

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CG
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/HSST

Ngày: 05-4-2023

**NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CG – TỈNH L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Đoàn.

Ông Võ Trường Tam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CG: Ông Phan Sân Rin – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở, Tòa án nhân dân huyện CG, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ L1 số 30/2023/TLST - HS ngày 09 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST-HS, ngày 21 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

1/ Họ và tên: **Đ Ngọc D**, sinh năm: 1989.

Tên gọi khác: Đạt.

Nơi thường trú: Tổ dân phố 3, thị trấn Trà Xuân, huyện Trà Bồng, tỉnh QN; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đ Tấn Thuận và bà Nguyễn Thị Lại; Bản thân có vợ tên Hoàng Thị Liên (đã ly hôn), có 01 con, sinh năm 2010; Tiền án (02): Bản án số: 249/2017/HSST ngày 10/8/2017 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bản án số: 429/2019/HSST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 08 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, chấp hành xong hình phạt ngày 13/3/2021, chưa được xóa án tích; Tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 13/11/2013 bị Tòa án nhân dân Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/9/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: **Nguyễn Thanh T**, sinh năm: 1998.

Nơi thường trú: thôn Phước Tích, xã Bình Mỹ, huyện Bình Sơn, tỉnh QN; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thành Sơn (đã chết) và bà Ngô Thị Tường; Bản thân có vợ tên Đặng Thị Thu Hòa, có 01 con, sinh năm 2017; Tiền án-tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/9/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3/ Họ và tên: **Nguyễn Thị L1**, sinh năm: 1983.

Nơi thường trú: Thôn 2, xã Diên Đồng, huyện Diên Khánh, tỉnh KH; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Hải (đã chết) và bà Nguyễn Thị Bường (đã chết); Bản thân có chồng tên Bùi Thế Thành, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án (01): Bản án số: 21/2020/HSST ngày 07/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 23/5/2005 bị TAND thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Ngày 18/3/2010 bị Công an huyện Cam Lâm, tỉnh KH xử phạt hành chính số tiền 150.000 đồng về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”; Ngày 11/7/2013 bị TAND huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 tháng 18 ngày tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Ngày 28/11/2013 bị Công an huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xử phạt hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”; Ngày 20/8/2014 bị TAND thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/9/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4/ Họ và tên: **Bùi Nữ Kim Q**, sinh năm: 2000.

Nơi thường trú: Thôn 2, xã Diên Đồng, huyện Diên Khánh, tỉnh KH; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông (không rõ) và bà Bùi Thị Thế Diệu; Bản thân không có chồng, có 01 con, sinh ngày 04/12/2021; Tiền án – tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Hồ Ngọc Đ, sinh năm: 2000 (vắng mặt).

Cư trú: Ấp 3, xã Long Hậu, huyện CG, tỉnh L.

Người có Qền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Đông Minh Nh, sinh năm: 1978 (vắng mặt).

Cư trú: 35/4B Ấp Chánh 2, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

2/ Lê Thị H, sinh năm: 1972 (vắng mặt).

Cư trú: ấp Thị Cầu, xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 10/9/2022, Đ Ngọc D là người đã tái phạm chưa được xóa án tích gặp Bùi Nữ Kim Q, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị L1 và 02 đối tượng tên Chùm và Tâm (không rõ nhân thân) tại khu công nghệ cao, Quận 9, Tp, Hồ Chí Minh. Tại đây, Chùm rủ mọi người đi trộm tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì tất cả đồng ý. Chùm đề xuất cả nhóm đi về địa bàn huyện CG tìm tài sản thì nhóm thống nhất. Khi cả nhóm về đến khu vực Ấp 3, xã Long Hậu, huyện CG thì ghé vào 01 quán uống nước. Tại đây, Chùm đứng ra phân công nhiệm vụ của từng người trong nhóm như sau: Chùm chở Tâm bằng xe mô tô đi trước tìm người đi đường để tài sản sơ hở sẽ ra tín hiệu để nhóm biết, T chở L1 bằng xe mô tô đi ở giữa có nhiệm vụ cản đầu xe, D chở Q bằng xe mô tô đi sau tạo T hướng giả để Q lấy trộm tài sản. Sau khi nghe Chùm phân công thì nhóm thống nhất. Lúc này, Chùm nhắn mọi người đi vào khu vực chợ tạm khu công nghiệp Long Hậu để tìm tài sản. Khi vào trong chợ, Chùm phát hiện chị Hồ Ngọc Đ đang ghé mua rau thì Chùm ra dấu cho mọi người biết. Tâm, Q, và L1 đi vào tiếp cận chị Đ giả vờ ghé mua rau. Sau khi mua rau, chị Đ quay lại xe, bỏ điện thoại di động Iphone 11, màu xanh vào hộc đựng đồ phía trước bên trái xe. Lúc này, Tâm cho xe của mình áp sát vào đầu xe của chị Đ, tiếp đó, D áp sát vào đuôi xe để chị Đ mất cảnh giác, lúc này Q lén lút lấy trộm điện thoại, đi sang đường đưa cho Chùm cất giấu rồi cả nhóm tẩu thoát. Qua truy xét, Cơ quan Công an mời D, T, L1 và Q về trụ sở Công an xã Long Hậu, huyện CG làm việc, cả bốn bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, riêng Chùm và Tâm đã trốn thoát.

Kết luận định giá tài sản số 74/KL-HĐĐGTS ngày 12/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện CG, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu xanh, dung lượng 64GB, trị giá 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Tại Bản cáo trạng số 36/CT-VKSCG ngày 09/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CG truy tố bị cáo D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Q định tại điểm a, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo L1, T và Q về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Q định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên giữ Qền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a, g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Đ Ngọc D từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm 03 tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Nguyễn Thanh T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Nguyễn Thị L1 từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bùi Nữ Kim Q từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo Q định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tang vật: Cơ quan CSĐT tạm giữ và hoàn trả cho: bị cáo L1 01 (một) điện thoại di động Iphone 8, màu vàng; bị cáo D 01 (một) điện thoại di động Samsung S9⁺, màu đen và số tiền còn lại 2.000.000 đồng; chị Lê Thị H 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số 60C2-538.07 và anh Đông Nh Minh 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại Satria, biển số 50Y1-478.25, là phù hợp với Q định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nên đề nghị không xem xét.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng do L1 giao nộp, số tiền 5.000.000 đồng do D giao nộp và số tiền 5.000.000 đồng do T giao nộp, đã bồi thường cho bị hại.

Về dân sự: Bị hại chị Hồ Ngọc Đ đã nhận số tiền 20.000.000 đồng từ 04 bị cáo. Hiện chị Đ không yêu cầu, nên đề nghị không xem xét.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng là xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện CG, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CG, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm Qền, trình tự thủ tục, Q định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác

không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, Quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các bị cáo Đ Ngọc D, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị L1, Bùi Nữ Kim Q và 02 đối tượng tên Chùm và Tâm có quen biết nhau. Vào khoảng 15 giờ ngày 10/9/2022, bốn bị cáo cùng đối tượng Chùm, Tâm gặp nhau ở quán cà phê tại Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh cùng bàn bạc, phân công để đi đến địa bàn huyện CG tìm tài sản để lấy trộm. Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 10/9/2022 tại khu chợ tạm thuộc khu công nghiệp Long Hậu, bị cáo D, T, L1, Q và 02 đối tượng tên Chùm và Tâm đã lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động của chị Hồ Ngọc Đ. Theo Kết luận định giá tài sản số 74/KL-HĐĐGTS ngày 12/9/2022, thì giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt, trị giá 10.000.000 đồng, tức trên 2.000.000 đồng và dưới 50.000.000 đồng. Nên hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” tội phạm được Q định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét thấy trước khi đi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo và đối tượng tên Chùm, Tâm đã cùng nhau bàn bạc, thống nhất ý chí và có sự phân công, cấu kết chặt chẽ, cụ thể: đối tượng Chùm chạy xe mô tô chở Tâm, T chạy xe mô tô nhãn hiệu Suzuki biển số 50Y1-478.25 chở L1 và D chạy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha biển số 60C2.53807 chở Q. Chùm, Tâm có nhiệm vụ quan sát nếu thấy ai để tài sản sơ hở thì ra tín hiệu cho bị cáo D và T biết để kêu Tâm, L1, Q xuống xe tiếp cận bị hại. Lúc này D, T và đối tượng Chùm quan sát cảnh giới, sau đó tạo T hướng giả vờ như có va chạm xe để cho bị hại mất cảnh giác, thì Q tiếp cận bị hại lấy trộm tài sản đưa cho Chùm cất giấu. Sau đó cả nhóm đã thực hiện trộm của chị Hồ Ngọc Đ 01 ĐTDD như trên. Với phương thức, thủ đoạn phạm tội như đã phân tích thì việc các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp định khung hình phạt là “*Có tổ chức*” theo Q định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[4] Đối với bị cáo D có 02 tiền án: Bản án số: 249/2017/HSST ngày 10/8/2017 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bản án số: 429/2019/HSST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 08 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, chấp hành xong hình phạt ngày 13/3/2021, chưa được xóa án tích. Ngày 10/9/2022 lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo Q định tại khoản 2 Điều 53 Bộ luật hình sự và thuộc trường hợp định khung hình phạt là “*Tái phạm nguy hiểm*” theo Q định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm và gây mất trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo nhận thức được hành vi lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Do đó hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử L1 thỏa đáng mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Trong vụ án cũng cần xem xét đến T tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân của từng bị cáo khi lượng hình:

[6.1] Xét về T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: bị cáo D, T, Q phạm tội không có T tiết tăng nặng. Bị cáo L1 có 01 tiền án, theo Bản án số 21/2020/HSST, ngày 07/7/2020 của tòa án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai xử phạt 01 năm 09 tháng tù. Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/8/2021, chưa xóa án tích, ngày 10/9/2022 lại tiếp tục phạm tội do cố ý, nên thuộc trường hợp tái phạm Q định tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật hình sự, là T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự Q định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6.2] Xét về T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: cả bốn bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại, nhằm khắc phục hậu quả; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bốn bị cáo được hưởng T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Q định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bốn bị cáo, ngoài ra bị cáo Q hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi (cháu Bùi Xuân Phát, sinh ngày 04/12/2021), nên bốn bị cáo còn được hưởng T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Q định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6.3] Xét về nhân thân của bốn bị cáo:

Bị cáo T và Q có nhân thân tốt.

Bị cáo D và L1 có nhân thân xấu, cụ thể: bị cáo D, ngày 13/11/2013 bị Tòa án nhân dân Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo L1, ngày 23/5/2005 bị TAND thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; ngày 18/3/2010 bị Công an huyện Cam Lâm, tỉnh KH xử phạt hành chính số tiền 150.000 đồng về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”; ngày 11/7/2013 bị TAND huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 tháng 18 ngày tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; ngày 28/11/2013 bị Công an huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xử phạt hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”; ngày 20/8/2014 bị TAND thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

[6.4] Xét đến tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của từng bị cáo: tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bốn bị cáo là như nhau, cùng thống nhất ý chí để thực hiện hành vi phạm tội như đã phân tích tại phần [3].

Với những phân tích trên thì hình phạt dành cho bị cáo D là cao nhất, bị cáo L1 phải cao hơn T, Q và hình phạt bị cáo T phải nghiêm khắc hơn Q.

[7] Xét thấy cần cách ly ba bị cáo D, T và L1 ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục ba bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[8] Xét thấy bị cáo Bùi Nữ Kim Q phạm tội có hai T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Q định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác theo Q định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự như đã phân tích tại phần [6.2] và không có T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Đối chiếu với các Q định tại Nghị Quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018, được sửa đổi bổ sung theo nội dung Nghị Quyết số 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo thì xét thấy không cần cách ly, cho bị cáo hưởng án treo cũng có thể tự cải tạo trở thành người có ích cho xã hội và việc cho hưởng án treo đối với bị cáo cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[9] Xét thấy áp dụng hình phạt tù đối với 04 bị cáo cũng đủ răn đe, nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bốn bị cáo theo Q định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[10] Về tang vật thu giữ: Cơ quan CSĐT Công an huyện CG, tỉnh L tạm giữ và hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Thị L1 01 (một) điện thoại di động Iphone 8, màu vàng và hoàn trả cho bị cáo Đ Ngọc D 01 (một) điện thoại di động Samsung S9⁺, màu đen và số tiền còn lại 2.000.000 đồng, do là tài sản của bị cáo L1 và D không liên quan đến vụ án. Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số 60C2-538.07 là tài sản của chị Lê Thị H cho bị cáo D mượn sử dụng, việc bị cáo D sử dụng xe làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội chị H không biết. Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại Satria, biển số 50Y1-478.25 là tài sản của anh Đông Nh Minh cho bị cáo T mượn sử dụng, việc bị cáo T sử dụng xe làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội anh Minh không biết, nên cơ quan CSĐT đã hoàn trả cho chị H và anh Minh. Là phù hợp với Q định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với số tiền bốn bị cáo giao nộp mỗi bị cáo 5.000.000 đồng, tổng cộng 20.000.000 đồng đã bồi thường cho bị hại, nên không xem xét.

[11] Về trách nhiệm dân sự: bị hại chị Hồ Ngọc Đ đã nhận của mỗi bị cáo số tiền 5.000.000 đồng, tổng cộng là 20.000.000 đồng. Tại phiên tòa chị Đ vắng mặt,

nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và không yêu cầu gì thêm (bút lục số 135), nên không xem xét.

[12] Về án phí: mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo Q định của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Q định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Đ Ngọc D, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị L1 và Bùi Nữ Kim Q cùng phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1/ Căn cứ điểm a, g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Đ Ngọc D 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 13/9/2022.

2/ Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thanh T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 13/9/2022.

3/ Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thị L1 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 13/9/2022.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam bị cáo D, T và L1 45 ngày kể từ ngày tuyên án (05/4/2023) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

4/ Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bùi Nữ Kim Q 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án (05/4/2023).

Giao bị cáo Bùi Nữ Kim Q về cho Ủy ban nhân dân xã Diên Đồng, huyện Diên Khánh, tỉnh KH giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Q định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì

Tòa án có thể Quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo có mặt biết được Qền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có Qền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được Qền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

TRẦN VĂN ĐOÀN – VÕ TRƯỜNG TAM

NGUYỄN ĐỨC BẢO

Nơi nhận:

-TAND tỉnh L;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

-VKSND huyện CG;
 -CA huyện CG;
 -THADS huyện CG;
 -Bị cáo; đương sự;
 -Lưu hồ sơ;
 -Lưu án văn.

NGUYỄN ĐỨC BẢO

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
 HUYỆN CG
 TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

CG, ngày 05 tháng 4 năm 2023

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 00 phút ngày 05 tháng 4 năm 2023.

Tại: trụ sở Tòa án nhân dân huyện CG, tỉnh L.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo.

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Đoàn.

Ông Võ Trường Tam.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ L1 số: 30/2023/TLST-HS, ngày 09/3/2023 đối với bị cáo: Đ Ngọc D và đồng phạm.

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các Q định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về tội D:

Tuyên bố bị cáo Đ Ngọc D, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị L1 và Bùi Nữ Kim Q cùng phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Kết quả biểu Quyết: 3/3.

2. Về Điều luật áp dụng:

Đối với bị cáo D: Căn cứ điểm a, g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo T: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo L1: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Q: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Kết quả biểu Quyết: 3/3.

3. Về hình phạt:

Xử phạt: Đ Ngọc D 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 13/9/2022.

Xử phạt: Nguyễn Thanh T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 13/9/2022.

Xử phạt: Nguyễn Thị L1 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 13/9/2022.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam bị cáo D, T và L1 45 ngày kể từ ngày tuyên án (05/4/2023) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Xử phạt: Bùi Nữ Kim Q 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án (05/4/2023).

Giao bị cáo Bùi Nữ Kim Q về cho Ủy ban nhân dân xã Diên Đồng, huyện Diên Khánh, tỉnh KH giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Q định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể Quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Kết quả biểu Quyết: 3/3.

4. Các vấn đề khác:

Về án phí: mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo có mặt biết được Qền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có Qền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được Qền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kết quả biểu Quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 9 giờ 15 phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên của Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

TRẦN VĂN ĐOÀN – VĨ TRƯỜNG TAM

NGUYỄN ĐỨC BẢO